TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 190/2021/HS-ST Ngày: 04-8-2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Anh Tuấn.

Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021; tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 191/2021/TLST-HS ngày 14-7-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2021/QĐXXST-HS ngày 19-7-2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Quốc T - sinh năm 1985 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 332 đường L, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị L; có vợ Trần Thị Thu M (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: Ngày 15-11-2019 Tòa án nhân dân Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (ra trại ngày 06-4-2020), tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24-12-2015 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; bị tạm giữ từ ngày 03 tháng 6 năm 2021 sau đó chuyển tạm

giam từ ngày 12 tháng 6 năm 2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Minh L, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số 102 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 02-6-2021, Trần Quốc T đi bộ một mình qua số nhà 102 đường T, phường T, thành phố N (đây là nhà anh Lê Minh L) phát hiện cửa nhà đang mở, điện bật sáng, trong nhà không có người nên T nảy sinh ý định đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản. T tiến lại gần cửa nhà rồi giả vờ gọi "Chú ơi, chú ơi". Khi thấy không có ai trả lời, không có ai trông coi nhà, T đột nhập vào trong nhà tìm tài sản trộm cắp thì phát hiện tại khu vực bếp ăn (cách cửa ra vào khoảng 03 mét) có dựng 01 chiếc xe máy điện biển kiểm soát 1-04679, đầu xe hướng vào trong nhà, đuôi xe hướng ra ngoài đường T, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa của xe. Quan sát xung quanh không có người, T lén lút đi đến cạnh chiếc xe máy điện, tay trái của T cầm vào tay lái bên trái của xe, tay phải của T cầm vào đuôi xe dắt lùi chiếc xe ra ngoài, sau đó T bật chìa khóa điện rồi nhanh chóng điều khiển xe máy điện tẩu thoát đến nhà nghỉ Poland tại địa chỉ: Số 46 đường B, phường M, thành phố N. T thuê phòng 303 để ngủ đến sáng hôm sau sẽ tìm nơi tiêu thụ chiếc xe máy điện.

Đến khoảng 01 giờ ngày 03-6-2021, do không có tiền nên T gọi điện thoại cho chị Phạm Ngọc T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ngách 47 A, phường Q, thành phố N đến để trả tiền thuê phòng cho T thì chị T đồng ý. Khoảng 04 giờ ngày 03-6-2021, chị T cùng anh Trần Minh Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ngõ 9 đường M, phường N, thành phố N đến phòng 303 nhà nghỉ Poland tại địa chỉ: Số 46 đường B, phường M, thành phố N rồi nghỉ cùng T tại đó. Đến khoảng 06 giờ ngày 03-6-2021, T cùng chị T và anh Đ xuống tầng 1 của nhà nghỉ để thanh toán tiền thì bị Tổ công tác Công an phường T, thành phố N tiến hành kiểm tra. T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên và giao nộp chiếc xe máy điện biển kiểm soát 1-04679 đã trộm cắp được.

Ngày 03-6-2021, anh Lê Minh L đã đến trụ sở Công an phường T để trình báo sự việc. Sau khi hoàn T hồ sơ ban đầu, Công an phường T đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Quốc T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Chị Phạm Ngọc T và anh Trần Minh Đ đều không biết T đã trộm cắp chiếc xe máy điện biển kiểm soát 1-04679.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố N xác định chiếc xe máy điện biển kiểm soát 1-04679 có trị giá 1.350.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc xe trên cho anh Lê Minh L. Anh Lê Minh L nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

Bản Cáo trạng số 193/CT-VKS ngày 12-7-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần Quốc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Trần Quốc T xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay dùng nhục hình. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng và khai nhận biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do ham chơi, lười lao động nên đã thực hiện hành vi trộm cắp với mục đích lấy tài sản bán đi để tiền tiêu xài cho bản thân. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vì vậy đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Quốc T theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Quốc T có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như đơn trình báo của bị hại; biên bản nhận dạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 02-6-2021, Trần Quốc T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Lê Minh L chiếc xe máy điện biển kiểm soát 1-04679 có trị giá 1.350.000 đồng tại số nhà 102 đường T, phường T, thành phố N. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 1.350.000 đồng nhưng vì bị cáo có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo Trần Quốc T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét bị cáo Trần Quốc T là đối tượng có nhân thân xấu đã được giáo dục nhiều lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội cho thấy bị cáo là đối tượng khó giáo dục, cải tạo nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử chỉ xử phạt bị cáo trong mức đề xuất của Viện kiểm sát.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Trần Quốc T không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo Trần Quốc T chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Bị hại anh Lê Minh L đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác nên Hội Đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Đối với chị Phạm Ngọc T và anh Trần Minh Đ đều không biết Trần Quốc T đã trộm cắp chiếc xe máy điện biển kiểm soát 1-04679 nên không xem xét trách nhiệm pháp lý là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Quốc T bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 03 tháng 6 năm 2021.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Quốc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Quốc T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Lê Minh L (vắng mặt) được quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ Bản án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND. tỉnh Nam Định;
- VKSNDTP. N (02 bản);
- Công an TP. N;
- Chi cục THADSTP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nguyên